

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

IV 44470

ODP IV # 44470

Date:

Ngày: 8/30/84

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

- Name
Họ, tên : CHAU VAN TRI Sex: Male
- Other Names
Họ, tên khác :
- Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : August 28th 1944 at Gocong
- Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 897/72 Tran Hung Dao street. 2th ward, 5th district - Ho Chi Minh city South Vietnam
- Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 897/72 Tran Hung Dao - P.20 Q.5. Ho Chi Minh city South Vietnam
- Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại :

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. PHAN THI XUAN	November 26 th 1967	Thanh Hoa	Female	M	Wife
2. CHAU TRI DUNG	June 15 th 1971	Thanh Hoa	Male	S	Son
3. CHAU TAT TRUNG	April 11 th 1972	Thanh Hoa	Male	S	Son
4. CHAU TRI XUAN DUNG	January 10 th 1976	HO CHI MINH CITY	Female	S	daughter
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phân-thưởng hoặc giấy khen: Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đứng sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: CHÂU VĂN TRÍ
2. School and School Address : Lackland Air force Base
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: 21.3.1972 Đến: January 30th 1973
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : Pilot Ing/T41
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : MAP

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☒ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : CHÂU VĂN TRÍ
2. Time in Reeducation: From: To:
Thời gian học-tập Từ: June 26th 1975 Đến: January 25th 1981
3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có ☐ Không ☒

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. One copy of the diploma
2. One copy of the Invitational Travel orders
3. One copy of the certificates of birth
4. One copy of the marriage certificates
5. One copy of the release certificate.

1. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : _____

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : CHÂU THỊ HOA

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Elder Sister

c. Address
Địa-chỉ : _____

PHAN THỊ ĐIỂM
Elder Sister

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : CHÂU VĂN GIÁO Dead

2. Mother
Mẹ : NGUYỄN THỊ RĂNG Living

3. Spouse
Vợ/Chồng: : PHAN THỊ XUÂN Living

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____

5. Children
Con cái: (1) CHÂU TRÍ DŨNG
(2) CHÂU TRÍ TRUNG
(3) CHÂU TRÍ XUÂN DUNG
(4) _____
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

6. Siblings
Anh chị em: (1) CHÂU NGỌC YẾN
(2) CHÂU NGỌC ANH
(3) CHÂU THỊ HOA
(4) CHÂU THỊ HỒNG
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Số/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Số/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Số/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: PHAN THỊ XUÂN

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1971 Đến 1975

3. Last Rank / Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng : teacher Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chung : Cu Chi high school

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : _____

VI 44470

DEPARTMENT OF THE ARMY
527TH PERSONNEL SERVICES COMPANY
APO San Francisco 96309

527PSC LETTER
ORDER NUMBER 3-1100

11 March 1972

SUBJECT: Invitational Travel Orders 244-72

1. The Secretary of the United States Air Force invites the following named personnel, Vietnamese Air Force, to proceed on or about 22 Mar 72 from the Republic of Vietnam to Lackland AFB, Texas, reporting not later than 27 Mar 72 to attend English Language Training Course, WSCN: 7151L, MASL IIN: D177009, class start date: 29 Mar 72, duration 6 weeks, Project: VS 72-210-F. Students are scheduled for additional training in Undergraduate Pilot Tng/T-41 (MAP) P-V4B-C-O Course, WSCN: 7151A, MASL IIN: D112003, class start date: 30 May 72, duration 8 weeks at Randolph AFB, Texas.

Tr/Uy (1Lt)	Chau Van TRI	64/125.367	(Tng#21011VS ECL75 69005-C	20 Jan 72 Ln 211)
Tu/Uy (2Lt)	Me Ngoc DUNG	68/406.409	(Tng#21012VS ECL71 6900M	29 Jan 72 Ln 212)
Ca/Uy (CO)	Phuynh Tan KHIAH	70/412.120	(Tng#21013VS ECL75 6900	29 Jan 72 Ln 213)
Ca/Uy (CO)	Phung Thu CUU	69/140.755	(Tng#21014VS ECL72 6900	12 Feb 72 Ln 214)
Sv/Sq (AC)	Dui Ngoc JIEP	69/602.463	(Tng#21015VS ECL71 6900M	29 Jan 72 Ln 215)
Sv/Sq (AC)	Nguyen Tran DUOC	71/607.097	(Tng#21016VS ECL70 6900M	29 Jan 72 Ln 216)
Sv/Sq (AC)	Nguyen Van AN	64/601.087	(Tng#21017VS ECL71 69005-I	12 Feb 72 Ln 217)
Sv/Sq (AC)	Tran Quang GIAO	68/602.372	(Tng#21018VS ECL76 69005-I	12 Feb 72 Ln 218)
Sv/Sq (AC)	Trinh Van KHIEH	71/607.148	(Tng#21019VS ECL71 69005-I	12 Feb 72 Ln 219)
Sv/Sq (AC)	Vo Thanh LOC	69/602.462	(Tng#21020VS ECL76 6900Q	8 Jan 72 Ln 220)

2. Items 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, and 16 on the reverse of this order are applicable. U.S. security requirements have been complied with. The carrying of any kind of dangerous articles (hand grenades, tear gas grenades, signal kits, etc.) explosive or incendiary ammunition, or any kind of explosive device in accompanied/unaccompanied baggage aboard military aircraft is prohibited.

3. Personnel are authorized to collect advance living allowance not to exceed \$50.00 at first CONUS base. Finance officer making payment on this order will forward copies of paid vouchers to ATC/ACFR, Randolph AFB, TX 78148. The cost of travel and living allowances will be charged to accounting classification: 5723400 302 6415 134950-10 407 408 409 454 462 S525003 CIC 44 264 1049 S525003. AUTHORITY: AFM 50-29 and ATC/FAK message 02/20012 July 1971.

4. Information or inquiries concerning this ITO should be directed to AFGP/TNO, APO San Francisco 96307.

FOR THE COMMANDER

DISTRIBUTION:

60 - Each Indiv 5 - Travis AFB/ATCO
1 - USAF/LOGEE 1 - Travis AFB/VNAF LO

Joseph C. H. Smith
JOSEPH G. H. SMITH, Capt, USAF
Asst AG

AFM/FAI-VNAF LO

IV 44470

English Language School



Defense Language Institute

Be it known that

1LT CHAU VAN TRI (VIETNAM)

has successfully completed the

AMERICAN LANGUAGE COURSE

at this institution and by authority of the

Department of Defense

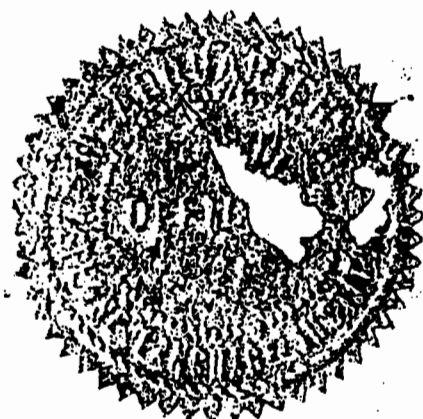
is awarded this

Diploma

Given at Lackland Air Force Base, Texas this 5 day of JULY 1972

John P. Durina
Chief, Instruction Division

Harold H. Dyer
Commandant



to Orderly Departure Program

131 Soi Tien Siang

South Sathorn Road

Bangkok 10120 Thailand

Dear Sir:

- In my file No EV44470, you have written incorrectly my wife's surname. The last letter of the word "PHAN" is letter N not letter M. Would you please correct it to the birth or marriage certificates.
- Our pre-1975 Vietnamese identify certificates got lost when "the 1975 event" happened, but we wrote the numbers and issue of them.

• CHAU VĂN TRÍ

ID card number 02654824

issued at Dalat. Date: August 20th 1969

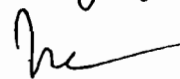
• PHAN THỊ XUÂN

ID card number 02146001

issued at 5th District S G. Date: September 13th 1961

I remain

Sincerely yours



Chau Văn Trí

W. 44470

NAM PHẦN
TỈNH ĐỊNH - TƯỜNG

QUẬN CẠI-LẬY

XÃ THANH-HÒA

Số hiệu: 143

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

NĂM 1947 XÃ THANH-HÒA (ĐỊNH-TƯỜNG)

Tên, họ đứa con nít	PHAN-THỊ-XUÂN
Nam hay nữ	Nữ
Sinh ngày nào	Le 24 Novembre 1947
Sinh tại chỗ nào.	Maternité de Cai-Lậy
Tên họ người cha	Phan văn-Công
Làm nghề-nghiệp gì.	Làm mướn
Nhà cửa ở đâu	Thanh-Hòa
Tên họ người mẹ	Nguyễn thị-Thuận
Làm nghề-nghiệp gì.	Làm mướn
Nhà cửa ở đâu	Thanh-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh

Số 56 4062/SY

CHUNG-NHÂN GIỐNG Y BẢN CHÁNH

XUẤT-TRÚC LẠI LƯU-TƯỜNG 20/05

Ngày 20 Tháng 5 năm 1984

TM/UBND PHƯỜNG 20/GS

ỦY VIÊN THỦ XÝ

Đến với Ban C. Huyện

NHẬN THỰC CHỮ KÝ:

Của Ủy-Ban Hành-Chánh, Xã

Thanh-Hòa

Cai-Lậy, ngày 11 tháng 5 năm 19 70

TL, Quận-Trưởng,

Phó Quận-Trưởng,

QUẬN-TRƯỞNG,

VI CHỨNG:

ỦY-BAN-TRƯỞNG,

QUẬN-TRƯỞNG,

TRÍCH-LỤC Y BỘ CHÁNH

Thanh-Hòa ngày 11 tháng 5 năm 19 70

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

Kiểm Soạn Bộ

Trần thanh-Liêm

IV 44470

VI 44470

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
TỈNH ĐỊNH - TƯỜNG
Quận Cai-Lậy
Xã Thanh-Hòa
Số hiệu: 022

TRÍCH - LỤC
CHỨNG - THƯ HÔN - THƯ

Số 1063/34
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÁNH
Xuất phát tại UBND PHƯỜNG 20/05
Ngày 20 tháng 10 198X
TỈNH ĐÌNH - TƯỜNG
QUẬN CÁI - LẬY

Tên, họ người chồng CHÂU VAN-TRÍ
nghề nghiệp Quân-nhân
sinh ngày 28 tháng 08 năm 1944
tại Gò-Công
cư-sở tại Xã Thành-Phố, Gò-Công
tạm-trú tại KBC. 4721
Tên họ cha chồng Châu văn-Giáo
(Sống hay chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng Nguyễn thị-Ráng
(Sống hay chết phải nói)
Tên họ người vợ PHẦN THỊ-XUÂN
nghề-nghiệp Sinh-viên
sinh ngày 24 tháng 11 năm 1947
tại Thanh-Hòa, Mỹ-Tho
cư-sở tại Thanh-Hòa
tạm-trú tại -nt-
Tên, họ cha vợ Phan văn-Công (chết)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên họ mẹ vợ Nguyễn thị-Thuận
(Sống chết phải ghi rõ)
- Ngày cưới Một tháng sáu năm 1971 hồi 1

- Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế ---
ngày --- tháng --- năm ---
tại ---

Văn.Thu số 4396/ĐNV
nhận giữ di hóa giấy
số 15.1.1.1 được miễn
Sử thi của Đoàn

Chứng nhận:
Xã-Trưởng,

TRÍCH-LỤC Y BỘ CHÁNH
Thanh-Hòa ngày 10 tháng 10 năm 19
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

IV 44470

ĐO LẠI VỤ
Trại CP Nguyễn Huệ
Số 33294 - GMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

5/3 (11-7) TAY LA TRẠI

Theo thông tư số 955-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ công an
Thi hành quyết định tha số 08 ngày 18/01/1961 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh Châu Văn Trại về

Họ và tên :

Sinh ngày :

Nơi sinh :

Nơi ĐKNNKT trước khi bị bắt :

Cán tội :

Ngày bị bắt :

Theo quyết định số :

Nay về cư trú tại :

Châu Văn Trại
28-08-1944
Châu Văn Trại - Gò Công
5/3 Chu Văn Trại - Gò Công
Gò Công - Tiền Giang
26-08-75
án phạt : TTCT

ngày của Bộ nội vụ
2-7 Chu Văn Trại - Gò Công - Tiền Giang
Cao chỉ 12 tháng

ĐIỂM XÉT QUA TRÌNH CẢI TẠO

Cơ thể cải tạo & tái tạo có những biểu hiện tích cực, tuy vậy, tư
tưởng & tâm hồn chưa mang vẻ tươi sáng, hệ thống
lao động chưa gia tăng, có cố gắng nhưng năng suất chưa cao
chất lượng tái tạo chưa tốt. Hơn nữa, tham gia tái tạo có tiếp thu
và hiểu biết kiến thức mới, tuy nhiên, nội quy chấp hành & mức độ
trình độ chưa đạt yêu cầu.
Để tiếp tục phấn đấu theo định hướng tiếp

Lần tay ngón & phải

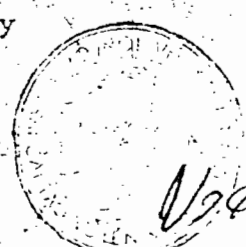
Của : Châu Văn Trại

Danh bản số :

Lập tại :

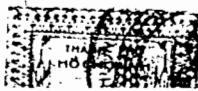
Người được cấp giấy

Giữ thị



Võ Văn An

Thiên tá : Võ Văn An



December 22, 1969

POB THE CHAU
682 ALVERSTONE STREET
WINNIPEG, MANITOBA
R3E 2G4 CANADA

ODP, BOX 56
AMERICAN EMBASSY
APO SAN FRANCISCO 96346

RE: TRI VAN CHAU FILE NO. IV 44470

Dear Sir/Madam:

First off all, I would like to express my thanks and my appreciations for your receiving my above named brother's application for Orderly Departure Program.

However my brother did not receive your letter of introduction from your office yet.

Could you review my brother's case. Your assistance in providing your Letter of Introduction to my brother and his family will be highly appreciated.

I would also like to inform your office my new address:

682 ALVERSTONE STREET

Thank you very, very much.

Sincerely Yours,

Hoallahan

POB THE CHAU



EMBASSY OF THE
UNITED STATES OF AMERICA
Bangkok, Thailand

So Ngai Vu
6 Duong Alexandre de Rhodes
Quan 1
Thanh Pho Ho Chi Minh

8/30/84

Reference File No. IV

44470

Dear Sir/Madam:

We have received your letter asking for help to go to the United States.

You and your family may be able to go to the United States through the Orderly Departure Program. Your immediate family means your husband or wife and your unmarried children. We are enclosing an information sheet explaining the Orderly Departure Program.

We have made a file for you. The file number (IV number) is written above. Be sure to write that number on everything you send us. We need some documents and information to complete your file. Please do the following:

- Fill out the enclosed questionnaire in English and send it to us.
- Send us the papers checked on the enclosed Request for Documents. Do not send us papers that we have not checked.

Also, if you have already received a form letter just like this one and answered it, do not send papers you have sent us already. Instead, write us and tell us the file (IV) number that was on the letter you received before.

Send the questionnaire and the papers to:

Orderly Departure Program
131 Soi Tien Siang
South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

From: BUI DUC LAN

To: Mr. NGO DUC AM

AirMail Paravion

P.O. Box 5435

ARLINGTON VIRGINIA 22205

U S A .

MAY 14 1990

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter

~~8/15/90~~

5/15/90